

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC VINH**  
**VIỆN CÔNG NGHỆ HÓA SINH-MÔI TRƯỜNG**



**BÁO CÁO KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỨC ĐỘ ĐÁP  
ỨNG YÊU CẦU NGHỀ NGHIỆP CỦA CHUẨN  
ĐẦU RA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH  
ĐIỀU DƯỠNG**

**KHOÁ 61 NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG**

**MÃ NGÀNH: 7720301**

*Nghệ An, 05/2024*

## **1. TỔNG QUAN VỀ KHẢO SÁT MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGHỀ NGHIỆP CỦA CHUẨN ĐẦU RA**

### **1.1. Mục đích khảo sát**

Mục đích của việc điều tra khảo sát chuẩn đầu ra ngành Điều dưỡng nhằm đánh giá mức độ đáp ứng yêu cầu nghề nghiệp của chuẩn đầu ra sau một thời gian xây dựng để giảng dạy theo tiếp cận CDIO cho sinh viên ngành Điều dưỡng tại Trường Đại học Vinh.

### **1.2. Phương pháp khảo sát**

Tiến hành điều tra khảo sát nội dung chủ đề chuẩn đầu ra sau khi đã chỉnh sửa một số nội dung cho phù hợp với chương trình đào tạo ngành Cử nhân Điều dưỡng tại Trường Đại học Vinh theo tiếp cận CDIO.

Sau khi tiến hành phân tích, lựa chọn phương án bảng câu hỏi trắc nghiệm kết hợp với phỏng vấn để tiến hành khảo sát. Để đảm bảo chất lượng câu hỏi chúng tôi tiến hành các cuộc phỏng vấn, cùng với sự góp ý xây dựng của các chuyên gia trong nước với mục tiêu câu hỏi phải đạt được mục đích đã đề ra.

Phiếu điều tra khảo sát được hình thành trên với chủ đề chính: Sinh viên sau khi tốt nghiệp đạt được mức độ nhận thức:

- Biết
- Hiểu
- Áp dụng, phân tích
- Tổng hợp, đánh giá, sáng tạo

Hình thức khảo sát: Gửi trực tiếp hoặc gửi email cho các đối tượng khảo sát và trao đổi phỏng vấn qua email, điện thoại. Nhận kết quả khảo sát trực tiếp hoặc qua scan phiếu, ảnh chụp phiếu của các đối tượng khảo sát.

### **1.3. Đối tượng khảo sát**

Ba nhóm đối tượng khảo sát bao gồm:

- Nhóm doanh nghiệp: là lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở y tế; Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động/Trưởng khoa, là các nhà khoa học có chuyên môn cao và lâu năm về lĩnh vực khối chăm sóc sức khỏe đang làm việc tại các cơ sở y tế và tham gia thỉnh giảng các trường đại học có uy tín trong nước.

- Nhóm Điều dưỡng/Bác sỹ: là các điều dưỡng viên, bác sỹ làm việc tại các cơ sở y tế, những người người làm việc trực tiếp với sinh viên và cựu sinh viên ngành Điều dưỡng Trường Đại học Vinh.

- Nhóm cựu sinh viên/sinh viên năm cuối đi thực tập.

**1.4. Nội dung khảo sát****1.4.1. Chuẩn đầu ra chương trình đào tạo ngành Điều dưỡng**

<b>Ký hiệu CDR</b>	<b>Chuẩn đầu CTĐT</b>	<b>TĐNL</b>
<b>PO1. Áp dụng được kiến thức nền tảng và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.</b>		
POL1.1	<i>Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong bối cảnh bệnh viện và xã hội.</i>	2.5
1.1.1	<i>Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội trong bối cảnh bệnh viện và xã hội.</i>	2.5
1.1.2	<i>Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật trong bối cảnh bệnh viện và xã hội.</i>	2.5
POL1.2	<i>Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học sức khỏe để lập luận phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân</i>	3.0
1.2.1	<i>Sử dụng kiến thức khoa học tự nhiên trong lĩnh vực điều dưỡng.</i>	3.0
1.2.2	<i>Vận dụng kiến thức khoa học sức khỏe trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.</i>	3.0
POL1.3	<i>Áp dụng kiến thức ngành vào việc lựa chọn, cải tiến, tích hợp và quản trị các quy trình điều dưỡng để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.</i>	3.5
1.3.1	<i>Áp dụng kiến thức điều dưỡng cơ sở và chuyên ngành vào việc lựa chọn và cải tiến các quy trình điều dưỡng để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.</i>	3.5
1.3.2	<i>Vận dụng kiến thức ngành, kỹ năng thực hành điều dưỡng vào tích hợp và quản trị các quy trình điều dưỡng để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.</i>	3.5
<b>PO2. Thể hiện được kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp</b>		
POL 2.1	<i>Thể hiện năng lực thực hành chăm sóc, quản lý và phát triển nghề nghiệp; đạo đức nghề nghiệp và năng lực hành nghề theo pháp luật</i>	3.0
2.1.1	<i>Thể hiện được năng lực thực hành chăm sóc sức khỏe, bệnh tật của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.</i>	3.0
2.1.2	<i>Quản lý, ghi chép, sử dụng và lưu trữ hồ sơ bệnh án theo quy định của pháp luật và Bộ Y tế.</i>	3.0
2.1.3	<i>Duy trì và phát triển năng lực nghề nghiệp cho bản thân và đồng nghiệp.</i>	3.0
2.1.4	<i>Thể hiện đạo đức nghề nghiệp của quốc gia và quốc tế trong thực hành điều dưỡng, hành nghề theo quy định của pháp luật.</i>	3.0
POL2.2	<i>Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp.</i>	4.0
2.2.1	<i>Phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực điều dưỡng</i>	4.0
2.2.2	<i>Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức trong lĩnh vực điều dưỡng</i>	4.0

2.2.3	<i>Quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trong lĩnh vực điều dưỡng</i>	4.0
<b>PO3. Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp</b>		
POL3.1	<i>Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động trong lĩnh vực điều dưỡng</i>	3.5
3.1.1	<i>Tổ chức và điều hành nhóm sáng tạo và hiệu quả</i>	3.5
3.1.2	<i>Tham gia tích cực hoạt động nhóm</i>	3.5
3.1.3	<i>Có khả năng phát triển nhóm</i>	3.5
POL3.2	<i>Thể hiện giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp điều dưỡng</i>	3.5
3.2.1	<i>Thể hiện giao tiếp hiệu quả và thích hợp với người bệnh, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp, cộng đồng và xã hội khi thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực điều dưỡng.</i>	3.5
3.2.2	<i>Trình bày và thuyết trình thuyết phục các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng.</i>	3.5
3.2.3	<i>Áp dụng thành thạo giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện trong lĩnh vực điều dưỡng</i>	3.5
3.2.4	<i>Thể hiện thuần thục kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản và chuyên ngành điều dưỡng</i>	3.5
<b>PO4. Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá, vận hành các quy trình điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân.</b>		
POL4.1	<i>Xác định và phân tích nhu cầu của người bệnh để lựa chọn, tích hợp và quản trị các quy trình thực hành điều dưỡng</i>	4.0
4.1.1	<i>Xác định mục tiêu, yêu cầu, nguyên lý và kiến trúc của các quy trình thực hành điều dưỡng</i>	4.0
4.1.2	<i>Mô hình hóa các quy trình chăm sóc điều dưỡng để đảm bảo các mục tiêu</i>	4.0
4.1.3	<i>Lập kế hoạch tích hợp, phát triển và quản trị các quy trình thực hành điều dưỡng</i>	4.0
POL4.2	<i>Thiết kế, triển khai và đánh giá các quy trình thực hành điều dưỡng để đáp ứng các yêu cầu của người bệnh trong bối cảnh bệnh viện và xã hội</i>	4.0
4.2.1	<i>Hiểu biết bối cảnh, chiến lược và mục tiêu của bệnh viện và xã hội</i>	4.0
4.2.2	<i>Thiết kế các giải pháp thực hành tốt quy trình điều dưỡng</i>	4.0
4.2.3	<i>Triển khai các giải pháp thực hành tốt quy trình điều dưỡng</i>	4.0
4.2.4	<i>Đánh giá các giải pháp thực hành tốt quy trình điều dưỡng</i>	4.0
4.2.5	<i>Nghiên cứu phát triển các giải pháp mới trong thực hành tốt quy trình điều dưỡng</i>	4.0
POL4.3	<i>Vận hành được các hệ thống quản lý và chăm sóc sức khỏe người bệnh</i>	4.0
4.3.1	<i>Quản lý và sử dụng có hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho chăm sóc và điều trị.</i>	4.0
4.3.2	<i>Vận hành các trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả và phòng tránh nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế.</i>	4.0

## 1.5. Các cấp độ đánh giá

### Phiếu khảo sát

Phiếu khảo sát được xây dựng dựa trên chủ đề chuẩn đầu ra đang áp dụng của ngành Điều dưỡng tại Trường Đại học Vinh. Tuy nhiên tùy theo nhu cầu thu thập thông tin và đặc trưng của từng loại đối tượng, phiếu khảo sát cho mỗi loại đối tượng được tùy biến để phù hợp với mục đích khảo sát.

Thông tin hướng dẫn	Trang thông tin hướng dẫn điền thông tin khảo sát
Thông tin đối tượng khảo sát	Đối tượng khảo sát cung cấp thông tin cá nhân, thông tin về vị trí công việc hiện tại cũng như thông tin về nơi làm việc.
Thông tin khảo sát chuẩn đầu ra	Khảo sát thông tin Đối tượng khảo sát về chuẩn đầu ra CDIO (đã được chi tiết hóa các mức độ nhận thức đạt được khi ra trường), Đối tượng khảo sát đánh giá từng CDR theo mức độ quan trọng.

- Chuẩn đầu ra về kiến thức

Mức độ năng lực sinh viên đạt được
① Hiểu
② Áp dụng
③ Phân tích
④ Đánh giá
⑤ Sáng tạo

- Chuẩn đầu ra về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp

Mức độ cần thiết	Mức độ đạt được của sinh viên
① Không cần thiết	(a) ① Có thể tham gia, đóng góp
② Ít cần thiết	(b) ② Có thể hiểu, giải thích
③ Không biết	(c) ③ Có kỹ năng thực hành, thực hiện
④ Cần thiết	(d) ④ Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới
⑤ Rất cần thiết	

- Chuẩn đầu ra về kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

Mức độ cần thiết	Mức độ đạt được của sinh viên
① Không cần thiết	(a) ① Có thể tham gia, đóng góp
② Ít cần thiết	(b) ② Có thể hiểu, giải thích
③ Không biết	(c) ③ Có kỹ năng thực hành, thực hiện
④ Cần thiết	(d) ④ Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới
⑤ Rất cần thiết	

- Chuẩn đầu ra về hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành trong bối cảnh bệnh viện và xã hội

Mức độ cần thiết	Mức độ thành thạo sinh viên đạt được
① Không cần thiết	(a) ① Có thể tham gia, đóng góp
② Ít cần thiết	(b) ② Có thể hiểu, giải thích
③ Không biết	(c) ③ Có kỹ năng thực hành, thực hiện
④ Cần thiết	(d) ④ Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới
⑤ Rất cần thiết	

### 1.6. Xử lý số liệu

Kết quả phân tích điều tra phỏng vấn được qua bộ câu hỏi điều tra được xử lý theo phương pháp thống kê toán học với sự hỗ trợ của phần mềm SPSS 20.

Sau khi nhận lại các phiếu khảo sát từ bốn nhóm nêu trên, chúng được đánh giá sơ bộ về mặt đầy đủ thông tin trong việc trả lời bản câu hỏi. Các dữ liệu được mã hóa và nhập vào máy tính. Sau đó, các số liệu được thống kê về giá trị trung bình và phương sai. Sự khác biệt ý kiến giữa các nhóm đối tượng cũng được đánh giá qua phân tích ANOVA.

Phân tích kết quả: bao gồm hai bước

Bước 1: Dựa vào số liệu thống kê để đánh giá sơ bộ ý kiến của các đối tượng tham gia điều tra về tầm quan trọng cũng như mức độ đã đang và nên đạt được của các tiêu chí chuẩn đầu ra chương trình đào tạo.

Bước 2: Dựa vào kết quả phân tích ANOVA để các chuyên gia thảo luận nhóm, phân tích sâu để kết luận về mức độ chuẩn đầu ra cần đạt được.

Số liệu điều tra phỏng vấn được xử lý thống kê trên máy vi tính. Kết quả theo nội dung câu hỏi sẽ được chia làm 2 chủ đề chính, trong mỗi chủ đề có các mức độ cần thiết, mức độ hợp lý và mức độ về kiến thức kỹ năng, bao gồm:

- Nội dung câu hỏi về kiến thức và lập luận ngành
- Nội dung câu hỏi về kỹ năng cá nhân, nghề nghiệp và phẩm chất
- Nội dung câu hỏi về kỹ năng làm việc theo nhóm và giao tiếp
- Nội dung câu hỏi về năng lực hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai và vận hành trong bối cảnh doanh nghiệp và xã hội

#### Ý nghĩa của từng giá trị trung bình đối với thang đo khoảng (Interval Scale)

$$\begin{aligned} \text{Giá trị khoảng cách} &= (\text{Maximum} - \text{Minimum}) / n \\ &= (5 - 1) / 5 \\ &= 0.8 \end{aligned}$$

Giá trị trung bình	Ý nghĩa
1.00 - 1.80	
1.81 - 2.60	Hiểu
2.61 - 3.40	Biết
3.41 - 4.20	Áp dụng, phân tích
4.21 - 5.00	Tổng hợp, đánh giá, sáng tạo

## 2. KẾT QUẢ KHẢO SÁT MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA

### 2.1. Kiểm tra độ tin cậy, tính hiệu lực của công cụ đo lường

+ Sử dụng phần mềm xử lý thống kê SPSS: Để đánh giá độ tin cậy của bộ công cụ trong nghiên cứu khảo sát này, chúng tôi dùng phương pháp đánh giá mức độ tương quan giữa các câu hỏi trong cùng miền đo, sử dụng mô hình tương quan Alpha của Cronbach (Cronbach's Coefficient Alpha). Mô hình này đánh giá độ tin cậy của phép đo dựa trên sự tính toán phương sai của từng câu hỏi trong từng thang đo, toàn bộ phép đo và tính tương quan điểm của từng câu hỏi với điểm của các câu hỏi còn lại trên từng thang đo và của cả phép đo.

Độ tin cậy của từng tiểu thang đo được coi là thấp nếu hệ số alpha nhỏ hơn 0,40. Độ tin cậy của cả thang đo được coi là thấp nếu hệ số alpha nhỏ hơn 0,60. Trong công cụ đo lường tầm quan trọng, mức độ cần thiết và mức độ hợp lý, ta chia các mục đánh giá thành nhiều tiểu thang đo.

Kết quả phân tích độ tin cậy của công cụ đo lường về việc đánh giá tầm quan trọng cũng như mức độ cần thiết và mức độ hợp lý (Số phiếu phát ra đối với khảo sát chuẩn đầu ra là 163 phiếu, số phiếu hợp lệ là 163 phiếu).

*Bảng 1.* Hệ số độ tin cậy Alpha của các tiểu thang đo/thang đo điều tra Kiến thức nền tảng và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân

Các tiểu thang đo/ thang đo	Mã hóa	Hệ số tin cậy Alpha
Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong bối cảnh bệnh viện và xã hội	KHCB	0,615
Kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học sức khỏe để lập luận phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân	CSN	0,633
Kiến thức chuyên ngành vào việc lựa chọn, cải tiến, tích hợp và quản trị các quy trình điều dưỡng để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	CN	0,627
<b>Kiến thức hỗ trợ khác</b>	KTHT	0,625
<b>Toàn bộ thang đo</b>		<b>0,657</b>

*Bảng 2.* Hệ số độ tin cậy Alpha của các tiểu thang đo/thang đo điều tra kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp

Các tiểu thang đo/ thang đo	Mã hóa	Hệ số tin cậy Alpha
-----------------------------	--------	---------------------

Thể hiện năng lực thực hành chăm sóc, quản lý và phát triển nghề nghiệp; đạo đức nghề nghiệp và năng lực hành nghề theo pháp luật	KNNN	0,682
Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp.	TDCN	0,686
<b>Toàn bộ thang đo</b>		<b>0,695</b>

Bảng 3. Hệ số độ tin cậy Alpha của các tiêu thang đo/thang đo điều tra kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp

Các tiêu thang đo/ thang đo	Mã hóa	Hệ số tin cậy Alpha
Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động trong lĩnh vực điều dưỡng	LVN	0,712
Thể hiện giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp điều dưỡng	GT	0,718
<b>Toàn bộ thang đo</b>		<b>0,721</b>

Bảng 4. Hệ số độ tin cậy Alpha của các tiêu thang đo/thang đo điều tra năng lực Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá, vận hành các quy trình điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân

Các tiêu thang đo/ thang đo	Mã hóa	Hệ số tin cậy Alpha
Xác định và phân tích nhu cầu của người bệnh để lựa chọn, tích hợp và quản trị các quy trình thực hành điều dưỡng	XHNC	0,647
Thiết kế, triển khai và đánh giá các quy trình thực hành điều dưỡng để đáp ứng các yêu cầu của người bệnh trong bối cảnh bệnh viện và xã hội	DN	0,621
Vận hành được các hệ thống quản lý và chăm sóc sức khỏe người bệnh	XDHT	0,641
<b>Toàn bộ thang đo</b>		<b>0,698</b>

Từ bảng kết quả trên ta thấy bảng công cụ đo lường tiêu thang đo của các thang đo trong khảo sát chuẩn đầu ra đều có hệ số tin cậy Alpha từ 0,615 đến 0,718; hệ số tin cậy Alpha của toàn thang đo là 0,657 đến 0,721 đạt mức độ cao. Trong đó hệ số tương quan của mỗi câu hỏi so với những câu hỏi còn lại trong một tiêu thang đo đạt giá trị khá tốt, giá trị của hệ số tương quan lớn hơn 0,4. Điều này chứng tỏ các câu hỏi có tính đồng hướng, đo được đúng cái cần đo, các câu hỏi được thiết kế đều có chất lượng tốt.



## 2.2. Thông tin về đối tượng được khảo sát

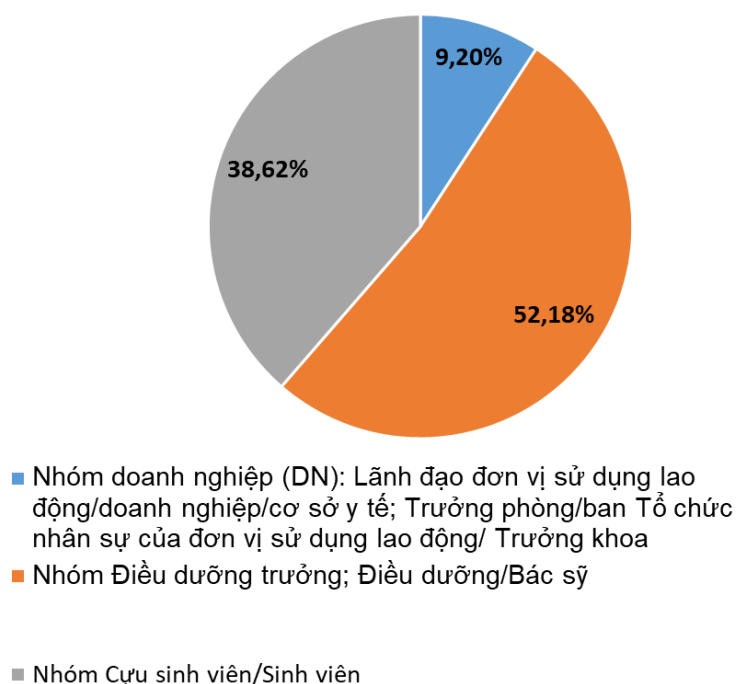
### 2.1.1. Thông tin vị trí công tác của đối tượng khảo sát

Kết quả khảo sát đã được thực hiện trên 163 đối tượng, đạt 81,5% so với yêu cầu (khảo sát trên 200 đối tượng), được thể hiện trong bảng 5 và hình 1.

Số liệu cho thấy có 9,2% Nhóm doanh nghiệp (DN): Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở y tế; Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động/ Trưởng khoa tham gia trả lời khảo sát; 52,18% là Nhóm Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sỹ, à nhóm đối tượng tiếp xúc trực và đánh giá chính xác năng lực nghề nghiệp của sinh viên thực tập tốt nghiệp; và 38,62% đối tượng là Nhóm Cựu sinh viên/Sinh viên, đang theo học và tốt nghiệp ngành Điều dưỡng, Trường Đại học Vinh, của khoá 59, 60 , 61.

Bảng 5. Số liệu về vị trí công tác của đối tượng khảo sát

TT	Đối tượng khảo sát	Số lượng	Tỷ lệ (%)
1.1	Nhóm doanh nghiệp (DN): Lãnh đạo đơn vị sử dụng lao động/doanh nghiệp/cơ sở y tế; Trưởng phòng/ban Tổ chức nhân sự của đơn vị sử dụng lao động/ Trưởng khoa	15	9,20%
1.2	Nhóm Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sỹ	85	52,18%
1.3	Nhóm Cựu sinh viên/Sinh viên	63	38,62%
	<b>Tổng</b>	<b>163</b>	<b>100%</b>



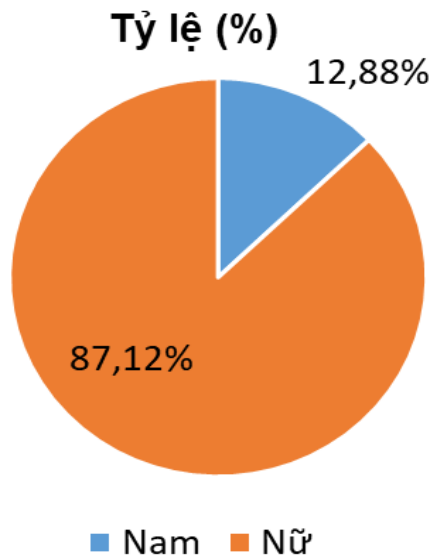
Hình 1. Biểu đồ phân bố vị trí công tác của đối tượng khảo sát

**2.1.2. Giới tính của đối tượng khảo sát**

Kết quả khảo sát trên 163 đối tượng, trong đó Nữ có 142 người (chiếm 86,73%) và 21 người là Nam (chiếm 13,22%), kết quả thể hiện trong bảng 6 và hình 2.

*Bảng 6. Số liệu về giới tính của đối tượng khảo sát*

Giới tính	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Nam	21	12,88%
Nữ	142	87,12%
<b>Tổng</b>	<b>163</b>	<b>100%</b>



**Hình 2.** Biểu đồ phân bố giới tính của đối tượng khảo sát

**2.2. Đánh giá khảo sát dự thảo chuẩn đầu ra**

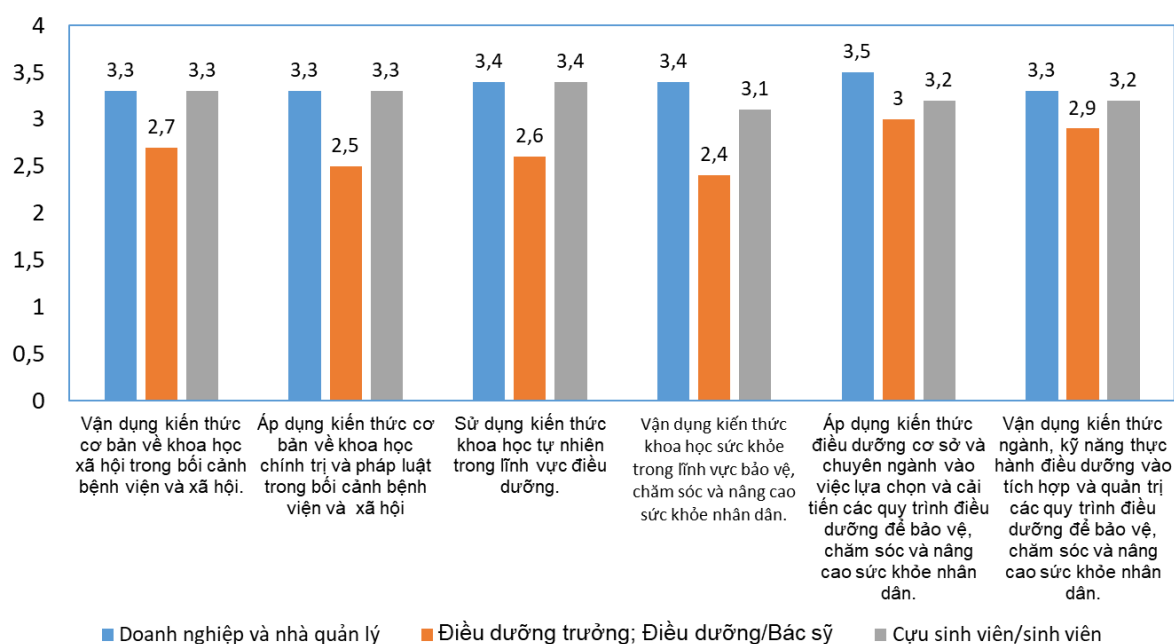
Dựa vào số liệu điều tra, nhóm triển khai phân tích giá trị trung bình của các ý kiến có phân chia theo nhóm đối tượng điều tra. Với mỗi tiêu chí trong chuẩn đầu ra, mỗi đối tượng điều tra đều nhận xét về mức độ quan trọng, mức độ đạt được hiện nay và mong muốn như minh họa ở một số bảng 7 đến 10 và hình 3 đến hình 7.

*Bảng 7. CDR về phân kiến thức nền tảng và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân*

Tiêu chí	Mức độ nhận thức kiến thức sinh viên đạt được khi tốt nghiệp		
	Doanh nghiệp và nhà quản lý	Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sỹ	Cựu sinh viên/sinh viên
<i>Vận dụng</i> kiến thức cơ bản về khoa học xã hội trong bối cảnh bệnh viện và xã hội.	3,3	2,7	3,3

Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật trong bối cảnh bệnh viện và xã hội	3,3	2,5	3,3
Sử dụng kiến thức khoa học tự nhiên trong lĩnh vực điều dưỡng.	3,4	2,6	3,4
Vận dụng kiến thức khoa học sức khỏe trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	3,4	2,4	3,1
Áp dụng kiến thức điều dưỡng cơ sở và chuyên ngành vào việc lựa chọn và cải tiến các quy trình điều dưỡng để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	3,5	3,0	3,2
Vận dụng kiến thức ngành, kỹ năng thực hành điều dưỡng vào tích hợp và quản trị các quy trình điều dưỡng để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	3,3	2,9	3,2

Mức độ nhận thức kiến thức sinh viên đạt được khi tốt nghiệp



**Hình 3.** Biểu đồ đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4)

Ngoài ra phân tích độ lệch cũng được xem xét để đánh giá sự sai biệt ý kiến trong nhóm đối tượng điều tra đó. Phép phân tích Phương sai một yếu tố (One - way ANOVA) được tiến hành cho từng phần kiến thức khoa học, từng mức độ (tầm quan trọng, mức độ hiện nay và mức độ SV nên đạt được) đối với ba nhóm đối tượng điều tra để xem xét sự khác biệt ý kiến của các nhóm này. Giả thiết được kiểm định là “Giá trị trung bình giữa 3 nhóm đối tượng là bằng nhau”.

Theo lý thuyết về kiểm định, trước khi ta kiểm định trung bình của ba tổng thể theo phân tích phương sai một yếu tố (One - way ANOVA), ta phải thực hiện một kiểm định khác là kiểm định sự bằng nhau của các phương sai tổng thể, kiểm này có tên là kiểm định Levene, Levene được tiến hành với giả thiết  $H_0$  là các phương sai của tổng thể bằng nhau, nếu kiểm định cho mức ý nghĩa thực nghiệm nhỏ hơn 0,05, ta sẽ bác bỏ giả thiết  $H_0$  và ngược lại, Kết quả kiểm định này sẽ ảnh hưởng đến việc ta sẽ lựa chọn loại kiểm định sự bằng nhau giữa các trung bình tổng thể nào?

Trong bảng giá trị (Test of Homogeneity of Variances), kiểm định Levene hầu hết đều có giá trị mức ý nghĩa thực nghiệm (Sig.) <0,05. Như vậy cho phép ta bác bỏ giả thuyết phương sai bằng nhau và chấp nhận giả thuyết  $H_1$  (phương sai giữa các nhóm là khác nhau) và kết quả trong bảng ANOVA có thể sử dụng tốt, hầu hết các nhóm đối tượng nghiên cứu đều bày tỏ sự đồng ý về mức độ nhận thức của khối kiến thức khoa học cơ bản của chuẩn đầu ra và ngành Điều dưỡng.

### Multiple Comparisons

Dependent Variable: MỨC ĐỘ NHẬN THỨC

LSD

(I) Nhóm	(J) Nhóm	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
DN	Điều dưỡng/Bác sĩ	.4909*	.0929	.000	.301	.681
	CSV/SV	.1818	.0929	.060	-.008	.372
Điều dưỡng/Bác sĩ	DN	-.4909*	.0929	.000	-.681	-.301
	CSV/SV	-.3091*	.0929	.002	-.499	-.119
CSV/SV	Điều dưỡng/Bác sĩ	-.1818	.0929	.060	-.372	.008
	DN	.3091*	.0929	.002	.119	.499

\*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

**Phân tích ANOVA về ‘MỨC ĐỘ NHẬN THỨC’ đối với phần kiến thức khoa học cơ bản**

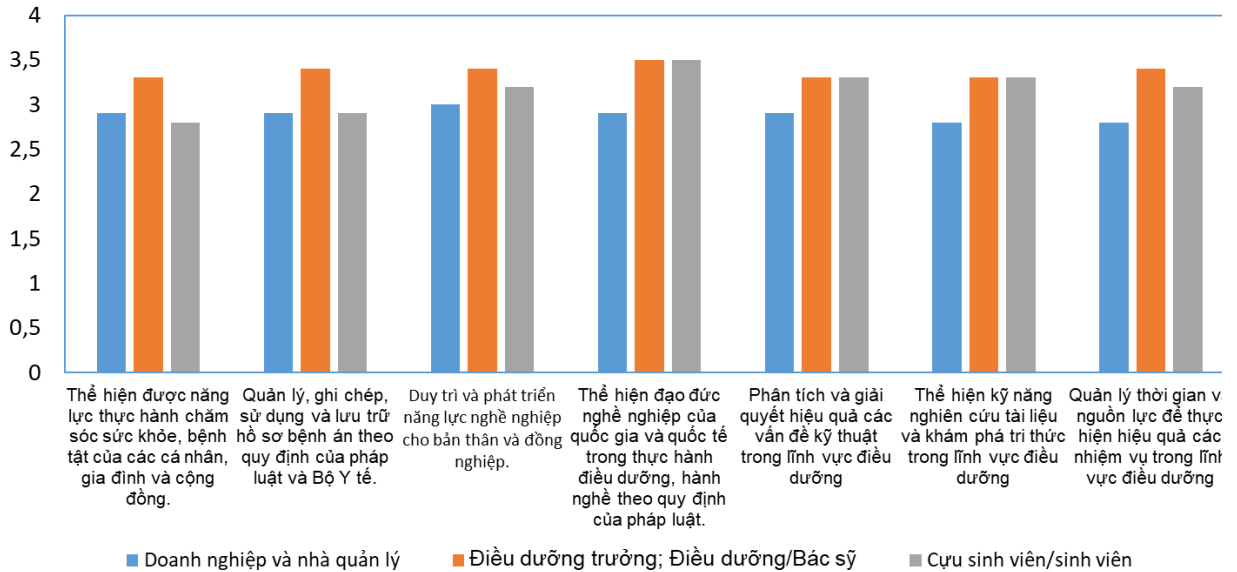
Trong bảng giá trị ANOVA và bảng phân tích kiểm định sau Post hoc để so sánh sự khác nhau của từng nhóm, mức ý nghĩa thực nghiệm (Sig) đều  $>0,05$  (mức ý nghĩa lý thuyết) cho phép ta chấp nhận giả thiết Ho bác bỏ giả thiết H1, hay nói cách khác có sự ngang bằng về giá trị trung bình của các tổng thể, các nhóm đối tượng khảo sát đều đánh giá cao tầm quan trọng của khối kiến thức khoa học cơ bản.

Bảng 8. CDR về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp

Tiêu chí	Mức độ nhận thức kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp sinh viên đạt được		
	Doanh nghiệp và nhà quản lý	Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sỹ	Cựu sinh viên/sinh viên
<i>Thể hiện</i> được năng lực thực hành chăm sóc sức khỏe, bệnh tật của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.	2,9	3,3	2,8
<i>Quản lý, ghi chép, sử dụng và lưu trữ</i> hồ sơ bệnh án theo quy định của pháp luật và Bộ Y tế.	2,9	3,4	2,9
<i>Duy trì và phát triển</i> năng lực nghề nghiệp cho bản thân và đồng nghiệp.	3,0	3,4	3,2
<i>Thể hiện</i> đạo đức nghề nghiệp của quốc gia và quốc tế trong thực hành điều dưỡng, hành nghề theo quy định của pháp luật.	2,9	3,5	3,5
<i>Phân tích và giải quyết</i> hiệu quả các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực điều dưỡng	2,9	3,3	3,3

Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức trong lĩnh vực điều dưỡng	2,8	3,3	3,3
Quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trong lĩnh vực điều dưỡng	2,8	3,4	3,2

Mức độ nhận thức kỹ năng, phẩm chất cá nhân và định hướng phát triển nghề nghiệp sinh viên đạt được



**Hình 4.** Biểu đồ đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4)

**Descriptives**

Mucdo

	N	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum
					Lower Bound	Upper Bound	
DN	8	2.900	.0756	.0267	2.837	2.963	2.8
Điều dưỡng trường; Điều dưỡng/ Bác sỹ	8	3.338	.1188	.0420	3.238	3.437	3.1

CSV/S V	8	3.213	.2532	.0895	3.001	3.424	2.8
Total	24	3.150	.2467	.0504	3.046	3.254	2.8

**Test of Homogeneity of Variances**

Mucdo

Levene Statistic	df1	df2	Sig.
3.772	2	21	.040

Trong bảng giá trị (Test of Homogeneity of Variances), kiểm định Levene có giá trị mức ý nghĩa thực nghiệm (Sig.) bé hơn rất nhiều so với 0,05 ( $p < 0,05$ ). Như vậy cho phép ta bác bỏ giả thuyết phương sai bằng nhau và chấp nhận giả thuyết H1 (phương sai giữa các nhóm là khác nhau) và kết quả trong bảng ANOVA có thể sử dụng tốt, các nhóm đối tượng nghiên cứu đều bày tỏ sự đồng ý về tầm quan trọng của khối kiến thức cơ sở ngành của chuẩn đầu ra và khung năng lực của ngành Điều dưỡng với các mức độ là khác nhau.

**ANOVA**

Mucdo

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	.812	2	.406	14.521	.000
Within Groups	.588	21	.028		
Total	1.400	23			

**Multiple Comparisons**

Dependent Variable: Mucdo

LSD

(I) Nhóm	(J) Nhóm	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
DN	Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sĩ	-.4375*	.0836	.000	-.611	-.264
	CSV/sv	-.3125*	.0836	.001	-.486	-.139
Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sĩ	DN	.4375*	.0836	.000	.264	.611
	CSV/SV	.1250	.0836	.150	-.049	.299
CSV/SV	Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sĩ	.3125*	.0836	.001	.139	.486
	DN	-.1250	.0836	.150	-.299	.049

\*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

**Phân tích ANOVA về ‘MỨC ĐỘ NHẬN THỨC’ đối với phần kiến thức cơ sở ngành**

Trong bảng giá trị ANOVA và bảng phân tích kiểm định sau Post hoc với trường hợp phương sai các nhóm là khác nhau để so sánh sự khác nhau của từng nhóm, ta thấy có 2 mức ý nghĩa thực nghiệm (Sig) đều >0,05 (mức ý nghĩa lý thuyết) cho phép ta chấp nhận giả thiết Ho bác bỏ giả thiết H1, hay nói cách khác có sự ngang bằng về giá trị trung bình của các tổng thể, các nhóm đối tượng doanh nghiệp và cựu sinh viên đều đánh giá cao tầm quan trọng của khối kiến thức, kỹ năng cơ sở ngành, trong khi đó cơ quan quản lý đánh giá không cao về kiến thức cơ sở ngành với sự khác biệt và thấp hơn so với 2 nhóm còn lại là -0,400 và -0,575.

**Test of Homogeneity of Variances**

MỨC ĐỘ SINH VIÊN NÊN ĐẠT ĐƯỢC

Mucdo

Levene Statistic	df1	df2	Sig.
3.772	2	21	.040



**ANOVA**

**MỨC ĐỘ SINH VIÊN NÊN ĐẠT ĐƯỢC**

**Mucdo**

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	.812	2	.406	14.521	.000
Within Groups	.588	21	.028		
Total	1.400	23			

**Multiple Comparisons**

Dependent Variable: MỨC ĐỘ SINH VIÊN NÊN ĐẠT ĐƯỢC

**LSD**

(I) Nhóm	(J) Nhóm	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
DN	Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sỹ	-.4375*	.0836	.000	-.611	-.264
	CSV/sv	-.3125*	.0836	.001	-.486	-.139
Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sỹ	DN	.4375*	.0836	.000	.264	.611
	CSV/SV	.1250	.0836	.150	-.049	.299
CSV/SV	Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sỹ	.3125*	.0836	.001	.139	.486
	DN	-.1250	.0836	.150	-.299	.049

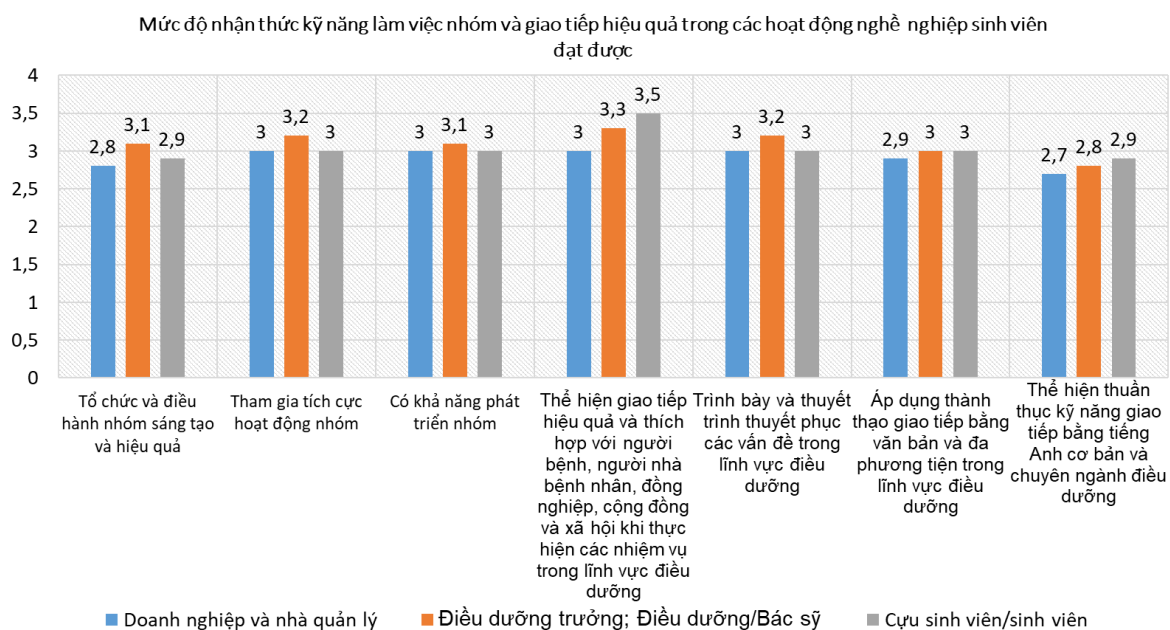
\*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

**Phân tích ANOVA về ‘MỨC ĐỘ NHẬN THỨC’ đối với phần kiến thức cơ sở ngành**

Trong bảng giá trị ANOVA và bảng phân tích kiểm định sau Post hoc để so sánh sự khác nhau của từng nhóm, mức ý nghĩa thực nghiệm (Sig.) đều >0,05 (mức ý nghĩa lý thuyết) cho phép ta chấp nhận giả thiết Ho bác bỏ giả thiết H1, hay nói cách khác có sự ngang bằng về giá trị trung bình của các tổng thể, các nhóm đối tượng khảo sát đều đánh giá cao mức độ SV nên đạt được của khối kiến thức cơ sở ngành, kỹ năng nghề nghiệp.

*Bảng 9. CDR về kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp*

Tiêu chí	Mức độ nhận thức kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp sinh viên đạt được		
	Doanh nghiệp và nhà quản lý	Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sỹ	Cựu sinh viên/sinh viên
<i>Tổ chức và điều hành</i> nhóm sáng tạo và hiệu quả	2,8	3,1	2,9
<i>Tham gia</i> tích cực hoạt động nhóm	3,0	3,2	3,0
<i>Có khả năng phát triển</i> nhóm	3,0	3,1	3,0
<i>Thể hiện</i> giao tiếp hiệu quả và thích hợp với người bệnh, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp, cộng đồng và xã hội khi thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực điều dưỡng	3,0	3,3	3,5
<i>Trình bày và thuyết trình</i> thuyết phục các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng	3,0	3,2	3,0
<i>Áp dụng</i> thành thạo giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện trong lĩnh vực điều dưỡng	2,9	3,0	3,0
<i>Thể hiện</i> thuần thục kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản và chuyên ngành điều dưỡng	2,7	2,8	2,9



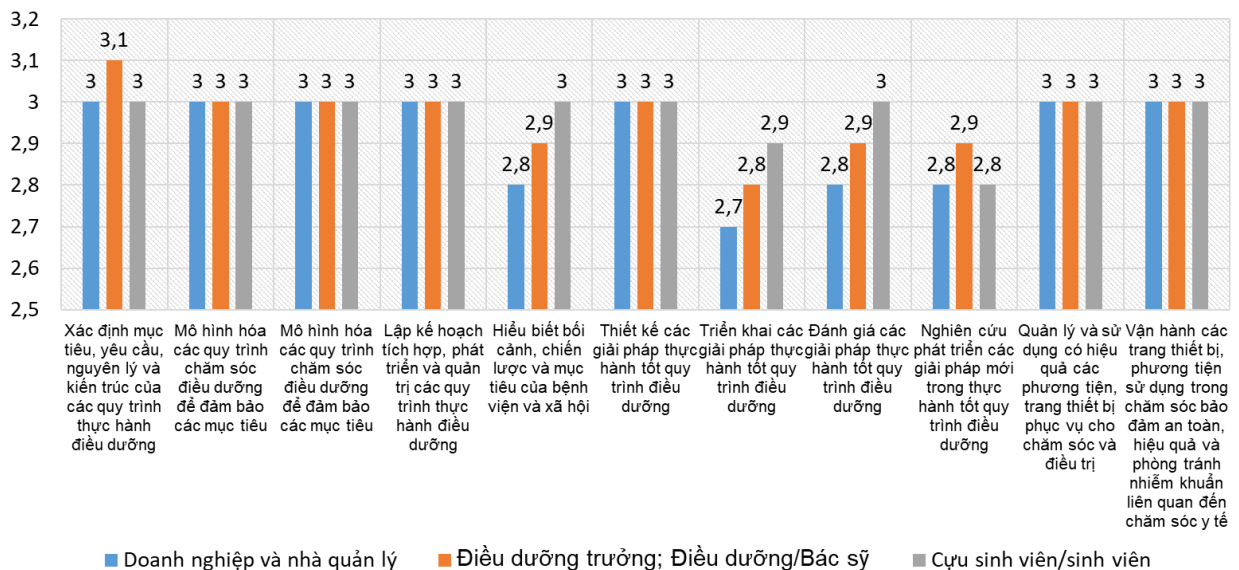
**Hình 5.** Biểu đồ đánh giá mức độ nên đạt được theo các nhóm đối tượng (tính trung bình theo thang 1-4)

**Bảng 10.** CĐR về kỹ năng Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá, vận hành các quy trình điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân

Tiêu chí	Mức độ nhận thức kỹ năng Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá, vận hành các quy trình điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân sinh viên đạt được		
	Doanh nghiệp và nhà quản lý	Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sỹ	Cựu sinh viên/sinh viên
Xác định mục tiêu, yêu cầu, nguyên lý và kiến trúc của các quy trình thực hành điều dưỡng	3,0	3,1	3,0
Mô hình hóa các quy trình chăm sóc điều dưỡng để đảm bảo các mục tiêu	3,0	3,0	3,0
Mô hình hóa các quy trình chăm sóc điều dưỡng để đảm bảo các mục tiêu	3,0	3,0	3,0

Lập kế hoạch tích hợp, phát triển và quản trị các quy trình thực hành điều dưỡng	3,0	3,0	3,0
Hiểu biết bối cảnh, chiến lược và mục tiêu của bệnh viện và xã hội	2,8	2,9	3,0
Thiết kế các giải pháp thực hành tốt quy trình điều dưỡng	3,0	3,0	3,0
Triển khai các giải pháp thực hành tốt quy trình điều dưỡng	2,7	2,8	2,9
Đánh giá các giải pháp thực hành tốt quy trình điều dưỡng	2,8	2,9	3,0
Nghiên cứu phát triển các giải pháp mới trong thực hành tốt quy trình điều dưỡng	2,8	2,9	2,8
Quản lý và sử dụng có hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho chăm sóc và điều trị	3,0	3,0	3,0
Vận hành các trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả và phòng	3,0	3,0	3,0

Mức độ nhận thức kỹ năng Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá, vận hành các quy trình điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân sinh viên đạt được



Kết quả phân tích ANOVA ‘mức độ nhận thức’ là có sự đồng nhất giữa ba nhóm đối tượng khảo sát

	Mean	Std. Deviation	Std. Error	95% Confidence Interval for Mean		Minimum	Maximum
				Lower Bound	Upper Bound		
DN	2.900	.0816	.0408	2.770	3.030	2.8	3.0
DN	3.325	.1258	.0629	3.125	3.525	3.2	3.5
Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sĩ	3.125	.0957	.0479	2.973	3.277	3.0	3.2
Total	3.117	.2038	.0588	2.987	3.246	2.8	3.5

**Test of Homogeneity of Variances**

Mucdo

Levene Statistic	df1	df2	Sig.
.412	2	9	.674

**ANOVA**

Mucdo

	Sum of Squares	df	Mean Square	F	Sig.
Between Groups	.362	2	.181	17.132	.001
Within Groups	.095	9	.011		
Total	.457	11			

**Multiple Comparisons**

Dependent Variable: Mucdo

LSD

(I) Nhóm	(J) Nhóm	Mean Difference (I-J)	Std. Error	Sig.	95% Confidence Interval	
					Lower Bound	Upper Bound
DN	Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sĩ	-.4250*	.0726	.000	-.589	-.261
	CSV/sv	-.2250*	.0726	.013	-.389	-.061
	DN	.4250*	.0726	.000	.261	.589

Điều dưỡng trưởng;	Điều dưỡng trưởng; Điều dưỡng/Bác sỹ	.2000*	.0726	.022	.036	.364
Điều dưỡng/Bác sỹ	CSV/sv	.2250*	.0726	.013	.061	.389
CSV/SV	DN	-.2000*	.0726	.022	-.364	-.036

\*. The mean difference is significant at the 0.05 level.

Trong bảng giá trị ANOVA và bảng phân tích kiểm định sau Post hoc để so sánh sự khác nhau của từng nhóm, mức ý nghĩa thực nghiệm (Sig.) đều >0,05 (mức ý nghĩa lý thuyết) cho phép ta chấp nhận giả thiết Ho bác bỏ giả thiết H1, hay nói cách khác có sự ngang bằng về giá trị trung bình của các tổng thể, các nhóm đối tượng khảo sát đều đánh giá cao tầm quan trọng khả năng kỹ năng Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá, vận hành các quy trình điều dưỡng cơ bản và chuyên khoa đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân của sinh viên cần phải đạt được.

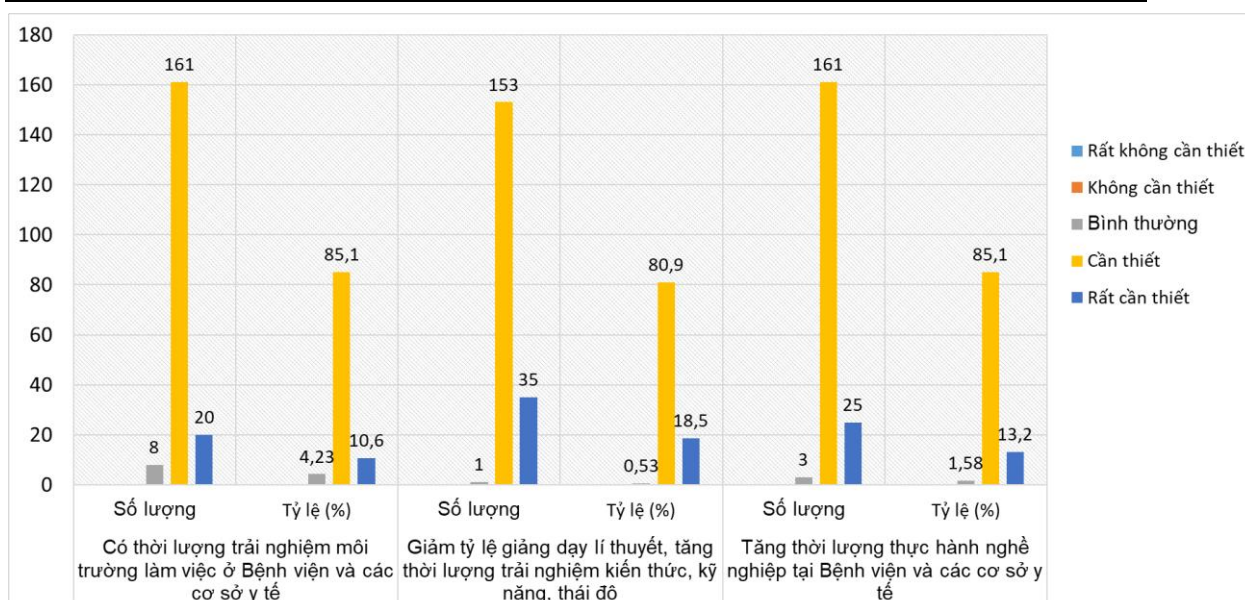
**2.2.4. Đánh giá về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra**

**2.2.4.1. Đánh giá về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học**

Kết quả khảo sát đánh giá về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học, trong đó xin ý kiến đánh giá về thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở Bệnh viện và các cơ sở y tế; Giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ; Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại Bệnh viện và các cơ sở y tế đã được khảo sát trên 189 đối tượng. Kết quả chi tiết thể hiện trong bảng 9 và hình 9.

*Bảng 9. Số liệu đánh giá chung về mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học*

Ý kiến	Có thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở Bệnh viện và các cơ sở y tế		Giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ		Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại Bệnh viện và các cơ sở y tế	
	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Rất không cần thiết	0	0	0	0	0	0
Không cần thiết	0	0	0	0	0	0
Bình thường	8	4,23	1	0,53	3	1,58
Cần thiết	161	85,1	153	80,9	161	85,1
Rất cần thiết	20	10,6	35	18,5	25	13,2
Tổng cộng	189	100	189	100	189	100



**Hình 9.** Biểu đồ đánh giá mức độ cần thiết thay đổi hình thức tổ chức, phương pháp dạy học

**Nhận xét:**

Kết quả cho thấy là các phương pháp được đề xuất xin ý kiến đều rất cần thiết, với tỷ lệ đồng ý trên 80%. Trong đó, việc tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại Bệnh viện và các cơ sở y tế, là cần thiết nhất với 85,1%; rất cần thiết 13,2%. Với đánh giá cần thiết là 80,9%; ; rất cần thiết 18,5% về giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ. Cuối cùng, có thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở Bệnh viện và các cơ sở y tế được 85,1% đánh giá mức cần thiết và rất cần thiết chiếm 10,6%.

**2.2.4.2. Ý kiến góp ý khác về hình thức tổ chức, phương pháp dạy học**

Người trả lời khảo sát cho rằng kết hợp giữa phương pháp dạy truyền thống và phương pháp dạy tích cực (cho sinh viên chủ động tìm hiểu, phát biểu ý kiến, xây dựng nhóm làm việc hiệu quả, khuyến khích sinh viên tìm tòi nghiên cứu các tài liệu tham khảo, kết hợp chặt chẽ giữa lý thuyết, thực hành và thực hành bệnh viện). Đồng thời, tăng cường thời lượng tự học cho sinh viên, điều này rất quan trọng vì điều dưỡng viên phải thực hành lâm sàng rất nhiều, nên giao bài tập để sinh viên tự nghiên cứu, học hỏi. Ngoài ra, kết quả khảo sát cho rằng mỗi bài học được xây dựng phải đáp ứng được các nội dung: cơ bản (tự trải nghiệm, khám phá để hình thành kiến thức mới), thực hành (áp dụng kiến thức đã học vào bài tập), ứng dụng (vận dụng kiến thức vào cuộc sống). Phương pháp tự học, tự đánh giá, tự quản lý thời gian... phù hợp với chỉ đạo của ngành Giáo dục. Phương pháp mới này cũng yêu cầu có sự tham gia tích cực của gia đình và cộng đồng trong việc phối hợp giảng dạy cho sinh viên. Theo đó, các bài thực hành được chia theo nhóm, theo nội dung thực hành: Các nhóm bài được phân loại thành nhóm bài cơ sở, nhóm dùng thuốc cho người bệnh, nhóm tiêu hóa, tiết niệu, cấp cứu và nhóm bài

khác. Áp dụng phương pháp này, giáo viên thực hiện đúng tiến trình của buổi lên lớp thực hành; sử dụng bảng quy trình mới để giảng dạy; sử dụng phương pháp làm mẫu, scorio... Ngoài giờ hành chính, có thể bàn giao phòng thực hành cho nhóm trưởng để sinh viên tự luyện tập. Việc chia nhóm thủ thuật, kỹ thuật phù hợp với người học, giúp người dạy và học có sự logic về các kỹ thuật. Việc thay đổi phương pháp giảng dạy yêu cầu giáo viên phải nắm vững kiến thức, kỹ năng, kỹ xảo đối với thao tác. Trong quá trình giảng, chỉ nhấn mạnh các điểm mấu chốt, dành nhiều thời gian cho sinh viên thực hành. Còn đối với sinh viên, không mất nhiều thời gian ghi chép quy trình, sử dụng ngay quy trình cải tiến để làm tài liệu học tập, giúp đỡ nhau trong thời gian thực hành và tự đánh giá. Nhờ đó, sinh viên phát huy được tính chủ động, tích cực trong học tập.

#### *2.2.5.2. Ý kiến góp ý khác về mức độ tham gia của nhóm đối tượng vào quá trình đào tạo*

Các đơn vị tuyển dụng, các nhà máy, cơ sở sản xuất sẵn sàng tuyển dụng các sinh viên tốt nghiệp ngành Điều dưỡng của Trường Đại học Vinh.

#### *1.1.1 Đánh giá mục tiêu của chương trình đào tạo*

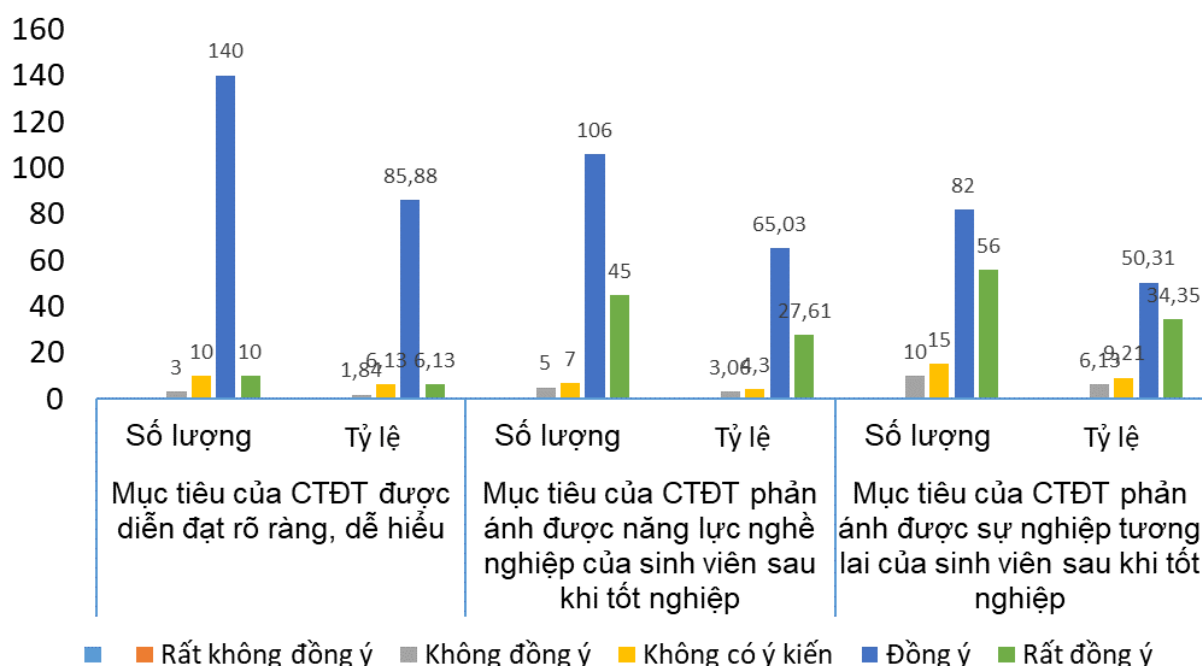
##### *2.2.1.1. Đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo*

Kết quả đánh giá về mục tiêu chung của chương trình đào tạo được thể hiện qua bảng 3 và hình 3.

*Bảng 1. Số liệu về đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo*

Ý kiến	Mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu		Mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp		Mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp	
	Số lượng	Tỷ lệ %	Số lượng	Tỷ lệ	Số lượng	Tỷ lệ
Rất không đồng ý	0	0,00	0	0,00	0	0,00
Không đồng ý	3	1,84	5	3,06	10	6,13
Không có ý kiến	10	6,13	7	4,30	15	9,21
Đồng ý	140	85,88	106	65,03	82	50,31
Rất đồng ý	10	6,13	45	27,61	56	34,35
<b>Tổng</b>	<b>163</b>	<b>100%</b>	<b>163</b>	<b>100%</b>	<b>163</b>	<b>100%</b>





**Hình 10.** Biểu đồ đánh giá chung mục tiêu của chương trình đào tạo

**Nhân xét:**

Kết quả cho thấy, đa số các ý kiến đều đồng ý với các mục tiêu chung của CTĐT ngành Điều dưỡng với hơn 85% người trả lời ở mức đồng ý trở lên.

+ Đối với đánh giá “Mục tiêu của CTĐT được diễn đạt rõ ràng, dễ hiểu” có 6,13% người rất đồng ý; 85,88% người đồng ý, còn lại là không có ý kiến và có 1,84% người không đồng ý.

+ Đối với đánh giá “Mục tiêu của CTĐT phản ánh được năng lực nghề nghiệp của sinh viên sau khi tốt nghiệp” có 27,61% người rất đồng ý; 65,03% người đồng ý, 4,30% người không có ý kiến; 3,06% người không đồng ý và không có người nào chọn rất không đồng ý.

+ Đối với đánh giá “Mục tiêu của CTĐT phản ánh được sự nghiệp tương lai của sinh viên sau khi tốt nghiệp” có 34,35% người rất đồng ý; 50,31% người đồng ý, 9,21% người không có ý kiến; 6,13% người không đồng ý.

**2.2.1.2. Ý kiến góp ý khác về mục tiêu của chương trình đào tạo**

Trong câu hỏi “Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô, mục tiêu CTĐT ngành Điều dưỡng cần bổ sung thêm những nội dung nào?. Một số ý kiến đã được dẫn ra, bao gồm:

- Thêm các chuẩn kỹ năng nghề nghiệp;
- Rút gọn các mục tiêu nhưng vẫn đủ tiêu chuẩn, kiến thức, kỹ năng.
- Thêm các mục tiêu về kỹ năng mềm: giao tiếp, ngoại ngữ.

**Nhân xét:**

Một số người khi được hỏi để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, mục tiêu CTĐT ngành Điều dưỡng cần bổ sung thêm các kỹ năng nghề nghiệp

riêng của ngành Điều dưỡng. Đồng thời, các mục tiêu cần rút ngắn lại, súc tích hơn, nhưng diễn đạt đầy đủ các tiêu chuẩn, kỹ năng, năng lực cần đạt của 1 điều dưỡng viên khi tốt nghiệp.

### **3. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT**

Qua kết quả khảo sát mức độ đáp ứng mục tiêu và chuẩn đầu ra Chương trình đào tạo, chúng tôi thấy cần phải điều chỉnh để CRĐ ngắn gọn và đạt được các mục tiêu, đảm bảo tiêu chuẩn chức danh nghề Điều dưỡng viên.

*Nghệ An, ngày 30 tháng 5 năm 2024*

**Viện Công nghệ Hóa Sinh - Môi trường**

**Trưởng Bộ môn**

**Viện trưởng**



**PGS.TS. Cao Tiến Trung**

**TS. Lê Thế Tâm**

**PHỤ LỤC**

VIỆN CÔNG NGHỆ HÓA SINH & MÔI TRƯỜNG  
**BỘ MÔN ĐIỀU DƯỠNG - HÓA DƯỢC**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHIẾU KHẢO SÁT**  
**MỨC ĐỘ ĐÁP ỨNG YÊU CẦU NGHỀ NGHIỆP CỦA CHUẨN ĐẦU RA**  
**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGÀNH ĐIỀU DƯỠNG**

**Kính gửi:**      *Bệnh viện Mắt Nghệ An*  
                         *Bệnh viện HNĐK Nghệ An*  
                         *Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An*  
                         *Bệnh viện Y học cổ truyền Nghệ An*

Nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng đào tạo, nghiên cứu khoa học đáp ứng tốt nhất nhu cầu xã hội, Trường Đại học Vinh trân trọng xin ý kiến Quý Cơ quan về mức độ đáp ứng yêu cầu của sinh viên sau khi tốt nghiệp Chương trình đào tạo (CTĐT) ngành **Điều dưỡng** thông qua Chuẩn đầu ra. Mọi ý kiến đóng góp của Quý anh/chị thực sự quý báu đối với công tác đảm bảo về nâng cao chất lượng đào tạo của Trường. Chúng tôi cam kết các thông tin trong Phiếu khảo sát này chỉ để phục vụ vào mục đích nâng cao chất lượng đào tạo.

Xin Quý anh/chị vui lòng cung cấp thông tin và cho ý kiến ở một số nội dung sau:

**Thông tin chung về người cung cấp thông tin**

1. Họ và tên người khảo sát:.....
2. Tên cơ quan/đơn vị:.....
3. Địa chỉ:.....
4. Vị trí công tác:.....
5. Đã tốt nghiệp trường: .....
6. Thâm niên công tác: .....

**Phần I. Nhu cầu tuyển dụng vị trí, việc làm**

1. Anh/Chị hãy cho biết Quý cơ quan/ đơn vị có nhu cầu cán bộ Điều dưỡng không?  
 Có, số lượng.....người/năm  
 Không
2. Nhu cầu nhân lực về Điều dưỡng của Quý cơ quan/đơn vị trong vòng 5 năm tới là bao nhiêu?  
 Không có nhu cầu  
 0-5 người  
 5-10 người  
 10 – 15 người  
 > 15 người

**Phần II. Đánh giá kiến thức, kỹ năng đạt được của sinh viên ngành Điều dưỡng thực tập tại đơn vị**

Quý Anh/Chị xin vui lòng đánh giá mức độ kiến thức, kỹ năng thực hiện được đối với sinh viên ngành Điều dưỡng thực tập tại đơn vị (Xin đánh dấu vào mức độ lựa chọn).

**1. Chuẩn đầu ra về kiến thức**

Anh/Chị vui lòng đánh giá mức độ năng lực đạt được của mỗi chuẩn đầu ra về kiến thức đối với sinh viên ngành Điều dưỡng thực tập tại đơn vị

Mức độ năng lực sinh viên đạt được
① Hiểu
② Áp dụng
③ Phân tích
④ Đánh giá
⑤ Sáng tạo

TT	Chuẩn đầu ra CTĐT và các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra	Mức độ năng lực sinh viên đạt được
<b>PO1</b>	<b>Áp dụng</b> được kiến thức nền tảng và lập luận ngành để giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	
PLO1.1	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, chính trị và pháp luật trong bối cảnh bệnh viện và xã hội.	
1.1.1.	Vận dụng kiến thức cơ bản về khoa học xã hội trong bối cảnh bệnh viện và xã hội.	① ② ③ ④ ⑤
1.1.2.	Áp dụng kiến thức cơ bản về khoa học chính trị và pháp luật trong bối cảnh bệnh viện và xã hội.	① ② ③ ④ ⑤
PLO1.2	Áp dụng kiến thức khoa học tự nhiên và khoa học sức khỏe để lập luận phân tích và giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng, bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân	
1.2.1.	Sử dụng kiến thức khoa học tự nhiên trong lĩnh vực điều dưỡng.	① ② ③ ④ ⑤
1.2.2.	Vận dụng kiến thức khoa học sức khỏe trong lĩnh vực bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	① ② ③ ④ ⑤
PLO1.3	Áp dụng kiến thức ngành vào việc lựa chọn, cải tiến, tích hợp và quản trị các quy trình điều dưỡng để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	
1.3.1	Áp dụng kiến thức điều dưỡng cơ sở và chuyên ngành vào việc lựa chọn và cải tiến các quy trình điều dưỡng để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	① ② ③ ④ ⑤
1.3.2	Vận dụng kiến thức ngành, kỹ năng thực hành điều dưỡng vào tích hợp và quản trị các quy trình điều dưỡng để bảo vệ, chăm sóc và nâng cao sức khỏe nhân dân.	① ② ③ ④ ⑤

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành Điều dưỡng cần bổ sung thêm những chuẩn kiến thức nào? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

.....  
 .....  
 .....

**2. Chuẩn đầu ra về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp**

Anh/Chị vui lòng đánh giá mức độ cần thiết và mức độ đạt được của các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp của sinh viên ngành Điều dưỡng thực tập tại đơn vị  
(Xin đánh dấu vào mức độ lựa chọn).

Mức độ cần thiết	Mức độ đạt được của sinh viên
① Không cần thiết	(a) Có thể tham gia, đóng góp
② Ít cần thiết	(b) Có thể hiểu, giải thích
③ Không biết	(c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện
④ Cần thiết	(d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới
⑤ Rất cần thiết	

TT	Chuẩn đầu ra	Mức độ cần thiết	Mức độ thành thạo đạt được
<b>PO2</b>	<b>Thành thạo các kỹ năng cá nhân, thực hành nghề nghiệp, nghiên cứu khoa học; có thái độ tích cực, trách nhiệm, phù hợp với yêu cầu của xã hội và hoạt động nghề nghiệp</b>		
PLO2.1	<i>Thể hiện năng lực thực hành chăm sóc, quản lý và phát triển nghề nghiệp; đạo đức nghề nghiệp và năng lực hành nghề theo pháp luật</i>		
2.1.1.	<i>Thể hiện được năng lực thực hành chăm sóc sức khỏe, bệnh tật của các cá nhân, gia đình và cộng đồng.</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)
2.1.2	<i>Quản lý, ghi chép, sử dụng và lưu trữ hồ sơ bệnh án theo quy định của pháp luật và Bộ Y tế.</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)
2.1.3	<i>Duy trì và phát triển năng lực nghề nghiệp cho bản thân và đồng nghiệp.</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)
PLO2.2	<i>Vận dụng các chiến lược học tập phù hợp để tích lũy kiến thức và định hướng phát triển nghề nghiệp.</i>		
2.2.1	<i>Phân tích và giải quyết hiệu quả các vấn đề kỹ thuật trong lĩnh vực điều dưỡng</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)
2.2.2	<i>Thể hiện kỹ năng nghiên cứu tài liệu và khám phá tri thức trong lĩnh vực điều dưỡng</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)
2.2.3	<i>Quản lý thời gian và nguồn lực để thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ trong lĩnh vực điều dưỡng</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành cần bổ sung thêm những chuẩn nào về kỹ năng, phẩm chất cá nhân và nghề nghiệp? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

.....  
 .....  
 .....

### 3. Chuẩn đầu ra về kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm

Anh/Chị vui lòng đánh giá mức độ cần thiết và mức độ đạt của các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra về kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm của sinh viên ngành Điều dưỡng thực tập tại đơn vị  
(Xin đánh dấu vào mức độ lựa chọn).

Mức độ cần thiết		Mức độ thành thạo sinh viên đạt được								
① Không cần thiết ② Ít cần thiết ③ Không biết ④ Cần thiết ⑤ Rất cần thiết		(a) Có thể tham gia, đóng góp (b) Có thể hiểu, giải thích (c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện (d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới								
TT	Chuẩn đầu ra	Mức độ cần thiết			Mức độ thành thạo đạt được					
PO3	<b>Thể hiện kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp</b>									
PLO3.1	<i>Hoạt động hiệu quả với tư cách là thành viên hoặc trưởng nhóm khi tham gia vào các hoạt động trong lĩnh vực điều dưỡng</i>									
3.1.1.	<i>Tổ chức và điều hành nhóm sáng tạo và hiệu quả</i>	①	②	③	④	⑤	(a)	(b)	(c)	(d)
3.1.2	<i>Tham gia tích cực hoạt động nhóm</i>	①	②	③	④	⑤	(a)	(b)	(c)	(d)
3.1.3	<i>Có khả năng phát triển nhóm</i>	①	②	③	④	⑤	(a)	(b)	(c)	(d)
PLO3.2	<i>Thể hiện giao tiếp hiệu quả trong các hoạt động nghề nghiệp điều dưỡng</i>									
3.2.1	<i>Thể hiện giao tiếp hiệu quả và thích hợp với người bệnh, người nhà bệnh nhân, đồng nghiệp, cộng đồng và xã hội khi thực hiện các nhiệm vụ trong lĩnh vực điều dưỡng.</i>	①	②	③	④	⑤	(a)	(b)	(c)	(d)
3.2.2	<i>Trình bày và thuyết trình thuyết phục các vấn đề trong lĩnh vực điều dưỡng.</i>	①	②	③	④	⑤	(a)	(b)	(c)	(d)
3.2.3	<i>Áp dụng thành thạo giao tiếp bằng văn bản và đa phương tiện trong lĩnh vực điều dưỡng</i>	①	②	③	④	⑤	(a)	(b)	(c)	(d)
3.2.4	<i>Thể hiện thuần thục kỹ năng giao tiếp bằng tiếng Anh cơ bản và chuyên ngành điều dưỡng</i>	①	②	③	④	⑤	(a)	(b)	(c)	(d)

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành cần bổ sung thêm những chuẩn nào về về kỹ năng giao tiếp và làm việc nhóm? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

.....

.....

.....

.....

.....

**4. Chuẩn đầu ra về hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành trong bối cảnh bệnh viện và xã hội**

Anh/Chị vui lòng đánh giá mức độ cần thiết và mức độ thành thạo đạt được của các yêu cầu cần đạt của mỗi chuẩn đầu ra về về hình thành ý tưởng, thiết kế, thực hiện và vận hành trong bối cảnh bệnh viện và xã hội của sinh viên ngành Điều dưỡng thực tập tại đơn vị (Xin đánh dấu vào mức độ lựa chọn).

Mức độ cần thiết	Mức độ thành thạo sinh viên đạt được
① Không cần thiết	(a) Có thể tham gia, đóng góp
② Ít cần thiết	(b) Có thể hiểu, giải thích
③ Không biết	(c) Có kỹ năng thực hành, thực hiện
④ Cần thiết	(d) Có thể lãnh đạo hoặc đổi mới
⑤ Rất cần thiết	

TT	Chuẩn đầu ra	Mức độ cần thiết	Mức độ thành thạo đạt được
<b>PO4</b>	<b>Hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá, vận hành các quy trình điều dưỡng cơ bản và điều dưỡng chuyên khoa đáp ứng nhu cầu bảo vệ, chăm sóc, nâng cao sức khỏe nhân dân</b>		
PLO4.1	<i>Xác định và phân tích nhu cầu của người bệnh để lựa chọn, tích hợp và quản trị các quy trình thực hành điều dưỡng</i>		
4.1.1.	<i>Xác định mục tiêu, yêu cầu, nguyên lý và kiến trúc của các quy trình thực hành điều dưỡng</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)
4.1.2	<i>Mô hình hóa các quy trình chăm sóc điều dưỡng để đảm bảo các mục tiêu</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)
4.1.3	<i>Lập kế hoạch tích hợp, phát triển và quản trị các quy trình thực hành điều dưỡng</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)
PLO4.2	<i>Thiết kế, triển khai và đánh giá các quy trình thực hành điều dưỡng để đáp ứng các yêu cầu của người bệnh trong bối cảnh bệnh viện và xã hội</i>		
4.2.1	<i>Hiểu biết bối cảnh, chiến lược và mục tiêu của bệnh viện và xã hội</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)
4.2.2	<i>Thiết kế các giải pháp thực hành tốt quy trình điều dưỡng</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)
	<i>Triển khai các giải pháp thực hành tốt quy trình điều dưỡng</i>		
	<i>Đánh giá các giải pháp thực hành tốt quy trình điều dưỡng</i>		
	<i>Nghiên cứu phát triển các giải pháp mới trong thực hành tốt quy trình điều dưỡng</i>		
PLO4.3	<i>Vận hành được các hệ thống quản lý và chăm sóc sức khỏe người bệnh</i>		
4.3.1	<i>Quản lý và sử dụng có hiệu quả các phương tiện, trang thiết bị phục vụ cho chăm sóc và điều trị.</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)
4.3.2	<i>Vận hành các trang thiết bị, phương tiện sử dụng trong chăm sóc bảo đảm an toàn, hiệu quả và phòng tránh nhiễm khuẩn liên quan đến chăm sóc y tế.</i>	① ② ③ ④ ⑤	(a) (b) (c) (d)

Để đáp ứng tốt hơn với yêu cầu của thị trường lao động, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành cần bổ sung thêm những chuẩn nào về hình thành ý tưởng, thiết kế, triển khai, đánh giá, vận hành? Xin vui lòng cho ý kiến góp ý!

.....  
.....  
.....  
.....

**Phần III. Xin ý kiến về các hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nhằm đạt được chuẩn đầu ra CTĐT ngành Điều dưỡng**

1. Để đạt được Chuẩn đầu ra ở trên, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, những hình thức tổ chức, phương pháp dạy học nào sẽ phù hợp?

.....  
.....

2. Để đạt được các Chuẩn đầu ra ở trên, theo quý Thầy/Cô/Anh/Chị, CTĐT ngành cần quan tâm điều chỉnh những nội dung nào?

**Mức độ cần thiết**

- ①: Rất không cần thiết;                      ②: Không cần thiết;  
③: Bình thường;                                ④: Cần thiết;                                ⑤: Rất cần thiết.

<b>Nội dung</b>	<b>Mức độ cần thiết</b>
Tăng thời lượng thực hành nghề nghiệp tại Bệnh viện và các cơ sở y tế	① ② ③ ④ ⑤
Có thời lượng trải nghiệm môi trường làm việc ở Bệnh viện và các cơ sở y tế	① ② ③ ④ ⑤
Giảm tỷ lệ giảng dạy lí thuyết, tăng thời lượng trải nghiệm kiến thức, kỹ năng, thái độ	① ② ③ ④ ⑤
Ý kiến khác: .....	① ② ③ ④ ⑤

**Xin trân trọng cảm ơn!**